HƯỚNG DẪN VÉ THỦ TỤC CHO CHUYẾN ĐI

SỞ TÀI NGUYÊN BIỂN
VĂN PHÒNG HẢI SẢN

1141 BAYVIEW AVENUE
BILOXI, MS 39530

Ngày 1 Tháng 1 Năm 2012

MỤC LỤC

1. CÂU HỎI ĐƠN CHO CHUYẾN ĐI / CÂU ĐÁP……. Trang 3
2. GIẤY PHÉP CHO SẢN PHẨM TƯƠI …… Trang 5
3. BẢO MẬT…… Trang 5
4. YÊU CẦU CỦA BÁO CÁO…… Trang 6
5. HƯỚNG DẪN ĐỂ ĐIỀN ĐƠN LOẠI 100
   (CHO MỘT CHUYẾN ĐI)…… Trang 8
   VÍ DỤ ĐƠN LOẠI 100 (CHO MỘT CHUYẾN ĐI)……... Trang 12
6. HƯỚNG DẪN ĐỂ ĐIỀN ĐƠN LOẠI 200
   (CHO NHIỀU CHUYẾN ĐI)……. Trang 13
   VÍ DỤ ĐƠN LOẠI 200 (CHO NHIỀU CHUYẾN ĐI)……. Trang 18
7. HƯỚNG DẪN ĐƠN CHO CHUYẾN ĐI HÀNG THÁNG…….. Trang 19
   VÍ DỤ ĐƠN HÀNG THÁNG…… Trang 21

MÃ SỐ THÀNH PHỐ…… Trang 22
MÃ SỐ THIẾT BỊ CHÍNH……. Trang 22
MÃ SỐ LOÀI BẮT……. Trang 23
MÃ SỐ ĐƠN VỊ……. Trang 27
MÃ SỐ TÌNH TRẠNG…… Trang 27
MÃ SỐ THỊ TRƯỜNG HOẶC SỐ / KÍCH THƯỚC……. Trang 27
KHU CHÍNH ĐÁNH BẮT
   BẢN ĐỒ SỐ 1 - Mã Số Cơ Thể Nước cho MS & Nước Liền Kề Trang 28
   BẢN ĐỒ SỐ 2 - Mã Số Nước cho Gulf of Mexico…… Trang 29
   BẢN ĐỒ SỐ 3 - Louisiana khu thu hoạch……. Trang 30

Translated by Huy D. Le

CHƯƠNG TRÌNH ĐƠN CHO CHUYẾN ĐI Ở MISSISSIPPI

1) Câu Hỏi Đơn Cho Chuyến Đi / Câu Đáp

Một chương trình đơn cho chuyến đi là gì?
Chương Trình Đơn Cho Chuyến Đi là một hệ thống để thu thập cho thương mại và thông tin liên quan của chuyến đi. Đơn cho chuyến đi sẽ thay thế các hệ thống hiện tại được sử dụng để thu thập cho thương mại của Mississippi.

Tại sao chúng ta cần đơn cho chuyến đi?
Đơn cho chuyến đi đã trở thành phương pháp tiêu chuẩn của bộ sưu tập biển đổ bộ thương mại trên toàn quốc. Thông tin của chuyến đi cá nhân cung cấp nhà khoa học thủy sản với các thiết bị và nắm bắt thông tin khu vực cụ thể mà sẽ cải thiện tính chính xác để đánh giá cung cấp. Thông tin của chuyến đi cá nhân cũng sẽ cung cấp thông tin cho quản lý thủy sản về tác động của thay đổi môi trường và các sự kiện thảm họa (như cơn bão) vào ngành thủy sản.

Ai cần phải có báo cáo?
Một đơn cho chuyến đi phải được hoàn thành bởi các đại lý hoặc người xử lý khi ngư dân chuyển (bán) bắt của họ cho đại lý hoặc người xử lý **HOẶC** người đánh cá thương mại phải hoàn tất một đơn cho chuyến đi khi họ bắt và không chuyển đến một đại lý cấp phép hoặc bộ xử lý (tức là bán trực tiếp cho công chúng). Ngư dân không bán cho một đại lý phải có một Giấy Phép bán Sản Phẩm Tươi.

Khi nào đơn cho chuyến đi phải hoàn tất?
Đơn cho chuyến đi phải hoàn tất vào ngày 10 trong tháng cho tháng trước đó. Đơn cho chuyến đi có thể được gửi thường xuyên như bạn muốn miễn là tất cả các đơn cho chuyến đi tạo ra trong một tháng được gửi cho Sở Tài Nguyên Biển của MS (MDMR) vào ngày 10 của tháng tiếp theo.

Đơn Tóm Tắt Cho Chuyến Đi (BẮT BUỘC)
Một Đơn Tóm Tắt Cho Chuyến Đi phải được điền và các đơn cho chuyến đi gửi đến MDMR. Các Đơn Tóm Tắt Cho Chuyến Đi tài liệu số lượng đơn điền cho chuyến đi được gửi đến MDMR. Nếu không có chuyến đi được thực hiện cho một tháng nhất định, các đại lý / ngư dân vẫn phải gửi một tờ hàng tháng cho thấy "0" chuyến đi đã được thực hiện cho tháng đó.

Đơn hoàn thành cho chuyến đi phải gửi đi đâu?
Xin vui lòng gửi đơn cho chuyến đi của bạn:

Mississippi Department of Marine Resources
Attn: Trip Ticket Coordinator
1141 Bayview Ave
Biloxi, MS 39530

Nơi nào có thể lấy được Đơn Cho Chuyến Đi
Các MDMR sẽ cung cấp mọi đơn. **Lấy đơn báo cáo là trách nhiệm của các đại lý, người xử lý hoặc ngư dân thương mại.** Các đại lý, người xử lý hoặc ngư dân thương mại phải xác định loại và số lượng các đơn anh / cô ấy sẽ cần để kéo dài khoảng 6 tháng. Một đại lý hoặc ngư dân không phải chờ cho đến khi anh / cô ấy hoàn toàn hết các đơn trước khi yêu cầu các đơn mới.

Để có được đơn gọi Văn Phòng MDMR Thuỷ Sản, Cá tại (228) 374-5000 trong giờ làm việc bình thường (Thứ Hai-Thứ Sáu, 8:00a.m- 5:00p.m.). Cần giấy phép đánh bắt cá hoặc thương mại đại lý / xử lý của bạn có sẵn sàng khi bạn gọi.

Nếu tôi đã có một máy tính và internet, làm thế nào tôi có thể tiết kiệm thời gian và trình đơn cho chuyến đi của tôi bằng điện tử?
Cho một hiệu quả tốt hơn và tiết kiệm thời gian chương trình trong máy tính có thể được cho vào miễn phí để nhập thông tin của đơn cho chuyến đi. Nếu bạn quan tâm đến chương trình này, xin vui lòng liên hệ với nhà thầu của chúng tôi, Claude Peterson, BlueFin Data, LLC tại số (225) 744-0807.

Xin lưu ý: Bạn phải sử dụng đơn gốc cho chuyến đi. Bản sao của các đơn sẽ không được chấp nhận.

Các Đơn Hàng Tháng sẽ được phát bởi MDMR và/hoặc có sẵn tại trang web www.dmr.ms.gov dưới đơn cho chuyến đi.

2) Giấy Phép Cho Sản Phẩm Tươi

Một ngư dân được cấp giấy phép thương mại chỉ có thể bán cho một đại lý / bộ xử lý hải sản. Một hợp lệ được cấp giấy phép đánh cá thương mại có thể bán cho người tiêu dùng nếu họ có giấy phép sản phẩm tươi thu được từ các MDMR. Một người khác có thể được thêm vào Giấy Phép bán Sản Phẩm Tươi lúc đã được ban hành để cho phép việc thương mại bán cho người tiêu dùng trong khi các ngư dân thương mại tiếp tục bắt cá. Sẽ không có lệ phí cho giấy phép này.

3) Bảo mật

Các thông tin cung cấp đơn cho chuyến đi được bảo vệ bí mật từ nhà nước thuộc Tiêu Đề 22 Phần 9.

BẢO MẬT: Tất cả các dữ liệu thu thập hoặc thu được bằng các nhân viên trong quá trình nhiệm vụ của mình và thu thập bởi cán bộ bảo mật thông tin của Sở Tài Nguyên Biển là bảo mật, và trừ khi được cho phép không được tiết lộ, trừ tổng hợp hình thức, bất kỳ người nào ngoại trừ nhân viên của Sở Tài Nguyên Biển Mississippi chỉ định là cán bộ bảo mật thông tin, Đại Dương và Khí Quyển Quốc Gia, Sống Biển Quốc Gia (NOAA / NMFS), hoặc cơ quan của các quốc gia khác đã thực hiện một bản ghi nhớ cho việc chia sẻ thông tin thống với Sở Tài Nguyên Biển Mississippi và NMFS; có nhiệm vụ yêu cầu thông tin này, và đã quy định ít nhất là bảo vệ để duy trì tính bảo mật của thông tin đó, trừ trường hợp pháp luật cho phép hoặc lệnh của tòa án. Thông tin bảo mật cho các cán bộ Sở Tài Nguyên Biển được chỉ định là bằng văn bản của

Cục Hàng Hải Mississippi của Giám Đốc Điều Hành Tài Nguyên. Đơn tổng hợp, đối với dữ liệu, có nghĩa là dữ liệu hoặc thông tin do ba hoặc nhiều người đã được tổng kết, lắp ráp theo cách thức như vậy để không tiết lộ, trực tiếp hoặc gián tiếp, bản sắc hoặc kinh doanh của người đó. Sở Tài Nguyên Biển Mississippi sẽ không tự nguyện tiết lộ thông tin bí mật cho các cơ quan nhà nước hoặc liên bang, ngoại trừ theo quy định ở trên, và đến mức tối đa có thể, sẽ phản đối cơ quan khác và trát đòi của quốc hội để có được thông tin bí mật. Sở Tài Nguyên Biển Mississippi sẽ không tiết lộ số liệu thống kê bí mật theo lệnh tòa án mà không có sự chấp thuận cụ thể của Văn Phòng Tổng Chưởng Lý của Nhà Nước.

4) <u>Yêu Cầu Của Báo Cáo</u>

Các thông tin được yêu cầu theo Tiêu Đề 22 Phần 9.

Mỗi đại lý hải sản / bộ xử lý cần thiết để hoàn tất đơn cho chuyến đi được Mississippi cung cấp bởi Sở Tài Nguyên Biển. Ngư dân thương mại, người bán bắt của họ cho các cá nhân khác hơn là đại lý / xử lý, cần thiết để hoàn đơn cho chuyến đi Mississippi cung cấp bởi Sở Tài Nguyên Biển và có giấy phép bán sản phẩm tươi. Ngư dân thương mại người bán bắt của họ cho bất cứ ai khác hơn là một Mississippi đại lý/bộ xử lý cấp phép hoặc vận chuyển bắt của họ ra tiểu bang là cần thiết mua và có một giấy phép đại lý/bộ xử lý và yêu cầu phải tuân thủ tất cả các quy định quản Mississippi đại lý/bộ xử lý. Tất cả đơn cho chuyến đi được trả lại cho bộ phận hoặc gửi điện tử vào hoặc trước ngày 10 của mỗi tháng cho các giao dịch từ tất cả các ngư dân thương mại trong tháng trước đó. Một đơn cho chuyến đi tóm tắt mà đưa tổng số trong một tháng nhất định sẽ được đệ trình trước ngày 10 của mỗi tháng do các đại lý hải sản / bộ xử lý hoặc ngư dân thương mại. Ngư dân cần thiết cung cấp cho các đại lý thông tin đầy đủ và chính xác để hoàn thành phần của mình cho đơn chuyến đi. Điều này bao gồm, nhưng không giới hạn, tên của ngư dân thương mại, số giấy phép hợp lệ, ngày tháng và nơi thu hoạch, độ sâu, chuyến đi và thời

gian đánh bắt, số phép tàu thích hợp, thiết bị, số lượng của thiết bị được sử dụng (nếu có) thiết bị được sử dụng, tên của hải sản đại lý, ngày mua, số giấy phép đại lý, cảng và nơi thu hoạch, các loài được mua, trọng lượng hoặc tiêu chuẩn khác được áp dụng, điều kiện của sản phẩm, giá trị thị trường các sản phẩm thủy sản đã mua, và giá phải trả cho mỗi đơn vị (pound hoặc số) cho mỗi loài. Các đại lý hải sản / bộ xử lý hoặc ngư dân cần thiết để chính xác đơn bằng cách đăng ký mỗi đơn.

Các đại lý/bộ xử lý hải sản Menhaden sẽ cung cấp thông tin về bắt phù hợp với các yêu cầu của Thuỷ Sản Quốc Gia Hàng Hải.

Các đại lý/bộ vi xử lý hải sản mua tôm từ ngư dân thương mại sẽ được miễn từ đơn cho chuyến đi, tuy nhiên, đại lý phải cung cấp số lượng đánh bắt theo loài và kích thước cho MDMR hoặc đại lý được ủy quyền, ví dụ - giá bởi kích thước, điều kiện khi đánh bắt (đầu vào, đầu ra), và số đăng ký hoặc tài liệu của tàu, và tên của tàu nếu có cho chuyến đi đánh bắt tôm. Nếu đại lý hải sản mua loài vật khác với tôm từ một ngư dân thương mại đơn cho chuyến đi phải được hoàn thành phù hợp với yêu cầu Mississippi đơn báo cáo hải sản về chuyến đi. Theo yêu cầu, các đại lý/bộ xử lý phải cung cấp cho ngư dân một đơn cho chuyến đi đã hoàn thành tại thời điểm giao dịch.

5) HƯỚNG DẪN ĐỂ ĐIỀN ĐƠN
ĐƠN CHO CHUYẾN ĐI
ĐƠN LOẠI 100 (MỘT CHUYẾN ĐI)

Điều cần thiết là bạn viết rõ ràng và ở trong các hộp vạch ra. <u>Chỉ sử dụng CHỮ VIẾT LỚN và sử dụng mực màu xanh hoặc màu đen. Nhấn vững chắc do đó có thể được đọc trên trang cuối cùng.</u> ĐỪNG GẠCH HOẶC VIẾT QUA NẾU SAI LẦM. GẠCH MỘT "X" TRÊN NƠI SAI LẦM VÀ TIẾP TỤC ĐIỀN TIẾP THEO HOẶC ĐIỀN ĐƠN MỚI CHO CHUYẾN ĐI.

SỐ VÉ (IN SẴN)
Các "SỐ VÉ" là một số được in sẵn trên mỗi đơn.

VÉ SỐ TIẾP TỤC (YÊU CẦU NẾU NHIỀU ĐƠN SỬ DỤNG)
Hộp "VÉ SỐ TIẾP TỤC" được sử dụng **khi nhiều đơn là cần thiết cho tài liệu chuyến đi.** Nếu nhiều đơn là cần thiết, hãy nhập số vào đơn <u>ĐẦU TIÊN</u> được sử dụng cho các chuyến đi trong hộp này.

VÉ HỦY BỎ (YÊU CẦU NẾU VÉ HỦY BỎ)
Hộp "VÉ HỦY BỎ" được sử dụng khi thực hiện sai lầm trong các hộp ở trên khu vực bóng mờ lớn của đơn cho chuyến đi. Đặt một "X" trong ô này sẽ mất hiệu lực toàn bộ đơn cho chuyến đi và một đơn cho một chuyến đi mới sẽ cần phải được điền. **Mỗi đơn phải được trả lại cho MDMR ngay cả khi hủy bỏ.**

TÊN NGƯ DÂN THƯƠNG MẠI (BẮT BUỘC)
In "TÊN NGƯ DÂN THƯƠNG MẠI" trên dòng cung cấp trên giấy phép thương mại.

SỐ PHÉP THƯƠNG MẠI HẢI SẢN (BẮT BUỘC)
Hộp "SỐ PHÉP THƯƠNG MẠI HẢI SẢN" là số giấy phép hiện hành của ngư dân thương mại, và phải được điền đầy đủ để đảm bảo bắt được giao cho ngư dân chính xác.

NGÀY RỜI BẾN (BẮT BUỘC)
Tháng, ngày và năm chuyến đi bắt đầu.

TÊN TÀU (NẾU CÓ)
Ghi tên tàu trên dòng này.

SỐ TÀU TÀI LIỆU SỞ BẢO VỆ BIỂN HOẶC SỐ TÀU ĐĂNG KÝ NHÀ NƯỚC (BẮT BUỘC)
Các "SỐ TÀU TÀI LIỆU SỞ BẢO VỆ BIỂN" hoặc "SỐ TÀU ĐĂNG KÝ NHÀ NƯỚC", trong đó bao giờ áp dụng, là số được gán cho thuyền hoặc tàu đã được sử dụng để thu hoạch hải sản. **CÂU CÁ TỪ MỘT BẾN TÀU HAY KHÔNG SỬ DỤNG MỘT CHIẾC TÀU THU HOẠCH HOẶC VẬN TẢI HẢI SẢN LÀ LÝ DO DUY NHẤT KHÔNG VIẾT TRONG NHỮNG DÕNG NÀY.**

KHU CHÍNH ĐÁNH BẮT (BẮT BUỘC)
TRONG NƯỚC MISSISSIPPI Các "KHU ĐÁNH BẮT" là SỐ KHU VỰC (xem danh sách mã số), nơi phần lớn hải sản được thu hoạch. **XEM ĐẾN BẢN ĐỒ 1** để điền vào trong hộp này. Ví dụ: Khu vực A sẽ được mã là “A”
NẾU BẮT CÁ TRONG VÙNG NƯỚC NGOÀI TIỂU BANG: **XEM ĐẾN BẢN ĐỒ 2 CHO NMFS KHU THỐNG KÊ** để điền vào trong hộp này. Ví dụ: Khu 11 vùng biển ngoài khơi Mississippi > 3 dặm phía Nam của Barrier Islands sẽ được mã số là 0110..
NẾU ĐÁNH BẮT CÁ TRONG VÙNG BIỂN LOUISIANA **XEM ĐẾN BẢN ĐỒ 3**.
Ví dụ: Khu 422 sẽ được mã số là 0422

THIẾT BỊ CHÍNH SỬ DỤNG (BẮT BUỘC - Hộp "THIẾT BỊ CHÍNH SỬ DỤNG" là thiết bị chính được sử dụng trong vụ thu hoạch của hải sản từ ngư dân thương mại. **XEM ĐẾN MÃ SỐ CỦA THIẾT BỊ CHÍNH SỬ DỤNG.**

THỜI GIAN BẮT CÁ (BẮT BUỘC)
Thời gian bắt cá là số thời giờ khi các thiết bị trong nước (thời gian trong nước). Điều này cũng có thể bao gồm thời gian tìm kiếm cho một số loại thiết bị (tức là chài đánh hay *runaround gillnets*)

SỐ LƯỢNG CỦA THIẾT BỊ SỬ DỤNG (BẮT BUỘC)
Số thiết bị chính được sử dụng trong khi hoạt động thu hoạch (tức là số lượng lưới kéo hoặc bẫy được sử dụng).

TÊN CỦA ĐẠI LÝ HẢI SẢN HOẶC SẢN PHẨM TƯƠI (BẮT BUỘC)
Hộp "TÊN CỦA ĐẠI LÝ HẢI SẢN hoặc SẢN PHẨM TƯƠI" được sử dụng để ghi lại các hải sản được bán cho đại lý. **Nếu không bán cho một đại lý hải sản, viết tên của người có Giấy Phép Sản Phẩm Tươi.**

NGÀY GIAO DỊCH hoặc BẮT ĐƯỢC (BẮT BUỘC)
Ngày sản phẩm đã được chuyển giao cho các đại lý hoặc bộ xử lý từ các ngư dân thương mại hoặc ngày các ngư dân thương mại đánh bắt được. Ví dụ: "THÁNG MM/NGÀY DD/NĂM YYYY"

TIỂU BANG BẮT ĐƯỢC (IN SẴN)
Các tiểu bang mà hải sản bắt được. Mã số của Mississippi là 28.

THÀNH PHỐ BẮT ĐƯỢC (BẮT BUỘC)
Các nơi Thành Phố mà hải sản bắt được. **XEM DANH MỤC MÃ SỐ CỦA CÁC THÀNH PHỐ.**

SỐ GIẤY PHÉP CỦA ĐẠI LÝ HOẶC SẢN PHẨM TƯƠI (BẮT BUỘC **- Nếu không bán cho đại lý ghi Số Giấy Phép Sản Phẩm Tươi)**
Hộp "SỐ GIẤY PHÉP CỦA ĐẠI LÝ HOẶC SẢN PHẨM TƯƠI" là số giấy phép của đại lý/bộ xử lý hoặc sản phẩm tươi.

HỦY BỎ (YÊU CẦU NẾU KHI GHI HỦY BỎ)
Đặt một "X" trong hộp này nếu bạn đã thực hiện sai ghi lại vào, và điền đúng cách vào các bản ghi trên dòng tiếp theo. **Không tìm cách viết trên sai nào.**

LOÀI BẮT (KHÔNG BẮT BUỘC)
Tên viết tắt hoặc tên gọi của loài đánh bắt.

MÃ SỐ LOÀI BẮT (BẮT BUỘC) **XEM ĐẾN MÃ SỐ LOÀI BẮT.**

SỐ LƯỢNG (BẮT BUỘC)
Hộp "SỐ LƯỢNG" được sử dụng để viết số của một loài mua hoặc bắt. (tức là số cân)

ĐƠN VỊ (BẮT BUỘC)
Các đơn vị đo kết hợp với số lượng mua hoặc bắt. (tức là số cân)
XEM ĐẾN MÃ SỐ ĐƠN VỊ

ĐIỀU KIỆN (BẮT BUỘC)
Các điều kiện các loài đã bắt được. **XEM ĐẾN MÃ SỐ DANH MỤC (ĐIỀU KIỆN)** để điền vào trong hộp này.

THỊ TRƯỜNG HOẶC SỐ (BẮT BUỘC)
XEM ĐẾN MÃ SỐ THỊ TRƯỜNG để điền vào trong hộp này **hoặc MÃ SỐ TÔM SẼ LÀ TÍNH CHO MỖI CÂN (16-20, 21-25, 26-30, vv)**

GIÁ MỖI ĐƠN VỊ (BẮT BUỘC)
Hộp "GIÁ MỖI ĐƠN VỊ" được sử dụng để tài liệu giá trên một đơn vị của các loài đó. (tức là giá mỗi cân)

GIÁ TRỊ (KHÔNG BẮT BUỘC)
Dòng "**GIÁ TRỊ**" là tổng giá trị tiền của các loài đó.
(Giá trên một đơn vị x số lượng)

TỔNG SỐ MUA, TỔNG SỐ CHI TIÊU, TỔNG SỐ TRẢ (KHÔNG BẮT BUỘC)
Đối với hồ sơ cho thu hoạch của đại lý.

CHI TIÊU (KHÔNG BẮT BUỘC)
Có thể được sử dụng bởi các đại lý hoặc ngư dân có giấy phép sản phẩm tươi để ghi chi phí của các ngư dân. (Tức là đá, mồi, dầu diesel, vv)

CHỮ KÝ ĐẠI LÝ HẢI SẢN HOẶC NGƯ DÂN CÓ GIẤY PHÉP SẢN PHẨM TƯƠI (BẮT BUỘC)
Cần có chữ ký của đại lý và/hoặc ngư dân có giấy phép sản phẩm tươi.

VÍ DỤ - ĐƠN 100 (MỘT CHUYẾN ĐI)

MISSISSIPPI TRIP TICKET - SINGLE TRIP [FORM 100]

Please print all characters legibly inside the boxes with either *blue* or *black* ink ONLY. The following will serve as an example:
0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 A B C D E F G H I J K L M N O P Q R S T U V W X Y Z

TICKET NO. 1200200 **Continuation Ticket No.** **Void Ticket**

FISHERMAN PROVIDED INFORMATION

Commercial Fisherman's Name (Please Print): John Doe

Fisherman's Lic. 1013469

Date Left Dock 10/01/11

VESSEL NAME May Do

Coast Guard Documented Vessel Number

OR

State Vessel Registration Number MI-0014-BO

Primary Area Fished A

Primary Gear Used 116

Fishing Time 30

Quantity of Gear 2

SEAFOOD DEALER OR FRESH PRODUCT PERMITTEE PROVIDED INFORMATION

Seafood Dealer or Fresh Product Permittee's Name (Please Print): ABC Seafood

Transaction Date 10/04/11

State Landed 28 County Landed 47 Dealer's Lic.or Fresh Product Permit No. 1023894

Void	Species	Species Code	Quantity	Unit	Cond	Count OR Market	Price per Unit	Value
X	WS	~~7430~~	,			-	.	$
	WS	7340	, 40	LB	60	16 - 20	4.50	$
	WS	7340	, 60	LB	61	21 - 25	4.00	$
	Gr mull	1970	, 25	LB	01	UN -	.50	$
			,			-	.	$
			,			-	.	$
			,			-	.	$
			,			-	.	$
			,			-	.	$
			,			-	.	$
			,			-	.	$
			,			-	.	$
			,			-	.	$
			,			-	.	$
			,			-	.	$

ITEM	DEDUCTIONS	COST

Total Purchases	
Total Deductions	
Total Paid	

Jason Quinn

SEAFOOD DEALER OR FRESH PRODUCT PERMITTEE SIGNATURE

DMR Copy

Modified 11/01/11

6) HƯỚNG DẪN ĐỂ ĐIỀN ĐƠN
ĐƠN CHO CHUYẾN ĐI
LOẠI ĐƠN 200 (NHIỀU CHUYẾN ĐI)

HƯỚNG DẪN ĐỂ ĐIỀN ĐƠN

Điều cần thiết là bạn viết rõ ràng và ở trong các hộp vạch ra. Chỉ sử dụng CHỮ VIẾT LỚN và sử dụng mực màu xanh hoặc màu đen. Nhấn vững chắc do đó có thể được đọc trên trang cuối cùng. ĐỪNG GẠCH HOẶC VIẾT QUA NẾU SAI LẦM. GẠCH MỘT "X" TRÊN NƠI SAI LẦM VÀ TIẾP TỤC ĐIỀN TIẾP THEO HOẶC ĐIỀN ĐƠN MỚI CHO CHUYẾN ĐI.

SỐ ĐƠN (IN SẴN)
Các "SỐ VÉ" là một số được in sẵn trên mỗi đơn.

SỐ ĐƠN TIẾP TỤC (YÊU CẦU NẾU NHIỀU ĐƠN SỬ DỤNG)
Hộp "SỐ ĐƠN TIẾP TỤC" được sử dụng chỉ khi nhiều đơn cần thiết để tài liệu một chuyến đi. Nếu nhiều đơn cần thiết, hãy nhập số vào đơn **ĐẦU TIÊN** được sử dụng cho các chuyến đi vào trong hộp này.

ĐƠN HỦY BỎ (YÊU CẦU NẾU VÉ HỦY BỎ)
Hộp "VÉ HỦY BỎ" được sử dụng khi thực hiện sai lầm trong các hộp ở trên khu vực bóng mờ lớn của đơn cho chuyến đi. Đặt một "X" trong ô này sẽ mất hiệu lực toàn bộ đơn cho chuyến đi và một đơn cho một chuyến đi mới sẽ cần phải được điền. **Mỗi đơn phải được trả lại cho MDMR ngay cả khi hủy bỏ.**

TÊN NGƯ DÂN THƯƠNG MẠI (BẮT BUỘC)
In "TÊN NGƯ DÂN THƯƠNG MẠI" trên dòng cung cấp trên giấy phép thương mại.

SỐ PHÉP NGƯ DÂN THƯƠNG MẠI HẢI SẢN (BẮT BUỘC)
Hộp "SỐ PHÉP THƯƠNG MẠI HẢI SẢN" là số giấy phép hiện hành của ngư dân thương mại, và phải được điền đầy đủ để đảm bảo bắt được giao cho ngư dân chính xác.

TÊN TÀU (NẾU CÓ)
Ghi tên tàu trên dòng này.

SỐ TÀU TÀI LIỆU SỞ BẢO VỆ BIỂN HOẶC SỐ TÀU ĐĂNG KÝ NHÀ NƯỚC (BẮT BUỘC)
Các "SỐ TÀU TÀI LIỆU SỞ BẢO VỆ BIỂN" hoặc "SỐ TÀU ĐĂNG KÝ NHÀ NƯỚC", trong đó bao giờ áp dụng, là số được gán cho thuyền hoặc tàu đã được sử dụng để thu hoạch hải sản. **CÂU CÁ TỪ MỘT BẾN TÀU HAY KHÔNG SỬ DỤNG MỘT CHIẾC TÀU THU HOẠCH HOẶC VẬN TẢI HẢI SẢN LÀ LÝ DO DUY NHẤT KHÔNG VIẾT TRONG NHỮNG DÕNG NÀY.**

TÊN CỦA ĐẠI LÝ HẢI SẢN HOẶC SẢN PHẨM TƯƠI (BẮT BUỘC)
Hộp "TÊN CỦA ĐẠI LÝ HẢI SẢN hoặc SẢN PHẨM TƯƠI" được sử dụng để ghi lại các hải sản được bán cho đại lý. **Nếu không bán cho một đại lý hải sản, viết tên của người có Giấy Phép Sản Phẩm Tươi.**

TIỂU BANG BẮT ĐƯỢC (IN SẴN)
Các tiểu bang mà hải sản bắt được. Mã số của Mississippi là 28.

THÀNH PHỐ BẮT ĐƯỢC (BẮT BUỘC)
Các nơi Thành Phố mà hải sản bắt được. **XEM DANH MỤC MÃ SỐ CỦA CÁC THÀNH PHỐ.**

NGÀY GIAO DỊCH hoặc BẮT ĐƯỢC (BẮT BUỘC)
Ngày sản phẩm đã được chuyển giao cho các đại lý hoặc bộ xử lý từ các ngư dân thương mại hoặc ngày các ngư dân thương mại đánh bắt được. Ví dụ: " NĂM: YYYY, THÁNG: MM”

SỐ GIẤY PHÉP CỦA ĐẠI LÝ HOẶC SẢN PHẨM TƯƠI (BẮT BUỘC **-Nếu không bán cho đại lý ghi Số Giấy Phép Sản Phẩm Tươi)**
Hộp "SỐ GIẤY PHÉP CỦA ĐẠI LÝ HOẶC SẢN PHẨM TƯƠI" là số giấy phép của đại lý/bộ xử lý hoặc sản phẩm tươi, và phải được

điền vào để bảo đảm các báo cáo được chỉ định chính xác cho các đại lý hoặc ngư dân.

HỦY BỎ (YÊU CẦU NẾU KHI GHI HỦY BỎ)
Đặt một "X" trong hộp này nếu bạn đã thực hiện sai ghi lại vào, và điền đúng cách vào các bản ghi trên dòng tiếp theo. **Không tìm cách viết trên sai nào.**

NGÀY CỦA THÁNG (BẮT BUỘC)

THỜI GIAN BẮT CÁ (BẮT BUỘC)
Thời gian bắt cá là số thời giờ khi các thiết bị trong nước (thời gian trong nước). Điều này cũng có thể bao gồm thời gian tìm kiếm cho một số loại thiết bị (tức là chài đánh hay *runaround gillnets*)

KHU CHÍNH ĐÁNH BẮT (BẮT BUỘC)
TRONG NƯỚC MISSISSIPPI Các "KHU ĐÁNH BẮT" là SỐ KHU VỰC (xem danh sách mã số), nơi phần lớn hải sản được thu hoạch. **XEM ĐẾN BẢN ĐỒ 1** để điền vào trong hộp này. Ví dụ: Khu vực A sẽ được mã là “A”
NẾU BẮT CÁ TRONG VÙNG NƯỚC NGOÀI TIỂU BANG: **XEM ĐẾN BẢN ĐỒ 2 CHO NMFS KHU THỐNG KÊ** để điền vào trong hộp này. Ví dụ: Khu 11 vùng biển ngoài khơi Mississippi > 3 dặm phía nam của Barrier Islands sẽ được mã số là 0110..
NẾU ĐÁNH BẮT CÁ TRONG VÙNG BIỂN LOUISIANA **XEM ĐẾN BẢN ĐỒ 3**.
Ví dụ: Khu 422 sẽ được mã số là 0422

THIẾT BỊ CHÍNH SỬ DỤNG (BẮT BUỘC - Hộp "THIẾT BỊ CHÍNH SỬ DỤNG" là thiết bị chính được sử dụng trong vụ thu hoạch của hải sản từ ngư dân thương mại. **XEM ĐẾN MÃ SỐ CỦA THIẾT BỊ CHÍNH SỬ DỤNG.**

SỐ LƯỢNG CỦA THIẾT BỊ SỬ DỤNG (BẮT BUỘC)
Số thiết bị chính được sử dụng trong khi hoạt động thu hoạch (tức là số lượng lưới kéo hoặc bẫy được sử dụng).

THỊ TRƯỜNG HOẶC SỐ (BẮT BUỘC)
XEM ĐẾN MÃ SỐ THỊ TRƯỜNG để điền vào trong hộp này **hoặc MÃ SỐ TÔM SẼ LÀ TÍNH CHO MỖI CÂN (16-20, 21-25, 26-30, vv)**

CHỮ KÝ CỦA NGƯ DÂN (BẮT BUỘC)
Các ngư dân phải ký tên để kiểm chứng chính xác của các giao dịch cho ngày hôm đó của tháng

MÃ SỐ LOÀI BẮT (BẮT BUỘC) **XEM ĐẾN MÃ SỐ LOÀI BẮT.**

SỐ LƯỢNG (BẮT BUỘC)
Hộp "SỐ LƯỢNG" được sử dụng để viết số của một loài mua hoặc bắt. (tức là số cân)

ĐƠN VỊ (BẮT BUỘC)
Các đơn vị đo kết hợp với số lượng mua hoặc bắt. (tức là số cân)
XEM ĐẾN MÃ SỐ ĐƠN VỊ

ĐIỀU KIỆN (BẮT BUỘC)
Các điều kiện các loài đã bắt được. **XEM ĐẾN MÃ SỐ DANH MỤC (ĐIỀU KIỆN)** để điền vào trong hộp này.

GIÁ MỖI ĐƠN VỊ (BẮT BUỘC)
Hộp "GIÁ MỖI ĐƠN VỊ" được sử dụng để tài liệu giá trên một đơn vị của các loài đó. (tức là giá mỗi cân)

GIÁ TRỊ (KHÔNG BẮT BUỘC)
Dòng "**GIÁ TRỊ**" là tổng giá trị tiền của các loài đó.
(Giá trên một đơn vị x số lượng)

TỔNG SỐ MUA, TỔNG SỐ CHI TIÊU, TỔNG SỐ TRẢ (KHÔNG BẮT BUỘC)
Đối với hồ sơ cho thu hoạch của đại lý.

CHI TIÊU (KHÔNG BẮT BUỘC)
Có thể được sử dụng bởi các đại lý hoặc ngư dân có giấy phép sản phẩm tươi để ghi chi phí của các ngư dân. (Tức là đá, mồi, dầu diesel, vv)

CHỮ KÝ ĐẠI LÝ HẢI SẢN HOẶC NGƯ DÂN CÓ GIẤY PHÉP SẢN PHẨM TƯƠI (BẮT BUỘC)
Cần có chữ ký của đại lý và/hoặc ngư dân có giấy phép sản phẩm tươi.

VÍ DỤ - ĐƠN 200 (NHIỀU CHUYẾN ĐI)

MISSISSIPPI TRIP TICKET - MULTI-TRIP [FORM 200]

Please print all characters legibly inside the boxes with either *blue* or *black* ink ONLY. The following will serve as an example:
0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 A B C D E F G H I J K L M N O P Q R S T U V W X Y Z

TICKET NO. 1200201 **Continuation Ticket No.** **Void Ticket**

FISHERMAN PROVIDED INFORMATION

Commercial Fisherman's Name (Please Print): Jack Doe

Fisherman's Lic. 1005634

VESSEL NAME: Will Do

Coast Guard Documented Vessel Number **OR** State Vessel Registration Number: ME - 3342 - BD

SEAFOOD DEALER or FRESH PRODUCT PERMITTEE PROVIDED INFORMATION

Seafood Dealer or Fresh Product Permittee's Name (Please Print): Jack Doe

State Landed 28 County Landed 47

YEAR 2012 Month 01

Dealer's Lic. or Fresh Product Permit No. 1396584

Void	Day of Month	Fishing Time	Primary Area Fished	Primary Gear Used	Quantity of Gear	Count OR Market	Fisherman's Initials
	02	48	B	131	100	UN-	JD
Species Code	**Quantity**	**Unit**	**Cond**	**Price per Unit**			**Value $**
7000	1,000	LB	02	1.00			

Void	Day of Month	Fishing Time	Primary Area Fished	Primary Gear Used	Quantity of Gear	Count OR Market	Fisherman's Initials
	07	48	B	131	150	UN-	JD
Species Code	**Quantity**	**Unit**	**Cond**	**Price per Unit**			**Value $**
7000	1,500	LB	02	1.00			

Void	Day of Month	Fishing Time	Primary Area Fished	Primary Gear Used	Quantity of Gear	Count OR Market	Fisherman's Initials
X						-	JD
Species Code	**Quantity**	**Unit**	**Cond**	**Price per Unit**			**Value $**
	,			.			

Void	Day of Month	Fishing Time	Primary Area Fished	Primary Gear Used	Quantity of Gear	Count OR Market	Fisherman's Initials
	15	24	B	131	100	UN-	JD
Species Code	**Quantity**	**Unit**	**Cond**	**Price per Unit**			**Value $**
7000	,200	LB	02	1.00			

Void	Day of Month	Fishing Time	Primary Area Fished	Primary Gear Used	Quantity of Gear	Count OR Market	Fisherman's Initials
						-	
Species Code	**Quantity**	**Unit**	**Cond**	**Price per Unit**			**Value $**
	,			.			

ITEM	DEDUCTIONS	COST

Total Purchases	
Total Deductions	
Total Paid	

Jack Doe

SEAFOOD DEALER OR FRESH PRODUCT PERMITTEE SIGNATURE

DMR Copy

Modified 11/1/11

7) HƯỚNG DẪN ĐƠN CHO CHUYẾN ĐI HÀNG THÁNG

Một Đơn Trình Hàng Tháng phải được điền và gửi đến MDMR vào hoặc trước khi ngày thứ 10 của tháng cho tháng trước. Các Đơn Trình Hàng Tháng nên được gửi cùng với đơn cho chuyến đi tháng đó. Mẫu đơn này sẽ có sẵn trên trang web của tại MDMR www.dmr.ms.gov.

Nếu bạn là một **đại lý hải sản** và chỉ mua, có được hoặc xử lý hải sản từ các đại lý hải sản khác, bạn phải vẫn gửi Đơn Trình Hàng Tháng viết xuống "0" chuyến đi. Bạn có thể gửi một Đơn Trình Hàng Tháng cho năm đó chỉ khi bạn không có kế hoạch để mua từ ngư dân thương mại trong năm đó. Loại Đơn Trình Hàng Tháng này phải hiển thị giai đoạn báo cáo là Ngày 1 Tháng 1 đến Ngày 31 Tháng 12 và "0" đơn cho chuyến đi trong giai đoạn này. Ngày cần gửi một đơn này sẽ là vào hoặc trước khi Ngày 10 Tháng 2.

Nếu bạn là một **đại lý hải sản** và không mua, có được hoặc xử lý hải sản đánh bắt từ ngư dân thương mại trong thời gian một tháng nào đó, bạn vẫn phải gửi Đơn Trình Hàng Tháng viết xuống "0" chuyến đi cho tháng đó. Nếu doanh nghiệp của bạn đóng cửa (không có mua) trong một thời gian nào của năm, bạn có thể điền một Đơn Trình Hàng Tháng cho giai đoạn này bằng cách viết "từ" ngày đầu tiên của tháng bạn được đóng cửa và "đến" ngày cuối cùng của tháng đóng cửa. Ngày cần gửi một đơn này sẽ là ngày thứ 10 của tháng sau được viết "đến".

Nếu bạn là một **người có giấy phép sản phẩm tươi** và không xử lý hải sản cho bán cho khách hàng cho một tháng nào đó, **bạn vẫn phải gửi Đơn Trình Hàng Tháng viết xuống "0" chuyến đi cho tháng đó.**

HOÀN THÀNH ĐƠN

Số giấy phép: Nhập số giấy phép đại lý hải sản bán buôn/bán hoặc sản phẩm tươi của bạn trong hộp cung cấp.

Báo Cáo Thời Gian **TỪ:** Đầu tháng, ngày và năm bạn đang báo cáo.

ĐẾN: Kết thúc tháng, ngày và năm bạn đang báo cáo.

Tổng Số Đơn: Tổng số đơn cho chuyến đi viết xuống trong thời kỳ báo cáo.

Ngày Hiện Tại: Tháng, ngày và năm mà bạn đang hoàn tất báo cáo gửi đến bộ phận.

Nhập tên của đại lý cũng giống như nó hiện trên giấy phép của bạn tại dưới đơn trong nơi được cung cấp. Các đại lý hoặc người đại diện được ủy quyền phải ký đơn.

Nếu bạn có câu hỏi nào liên quan đến những hướng dẫn này, liên hệ với Bộ Phận MDMR Finfish tại (228) 374-5000. Các đại lý chịu trách nhiệm cho việc thu thập các đơn bằng cách gọi (228) 523-4076.

MẪU ĐƠN

Draft

TRIP TICKET
MONTHLY SUBMISSION FORM

Mississippi Department of Marine Resources
Trip Ticket Coordinator
1141 Bayview Avenue
Biloxi, MS 39530
(228) 374-5000 or (800) 374-3449

This report must be submitted monthly in order to comply with the requirements of MS Title 22 Part 9 and rules and regulations adopted pursuant to those statutes. Completed trip tickets for the time period should accompany this form. **DO NOT STAPLE TRIP TICKETS**.

USE BLUE OR BLACK INK ONLY

License No 1 0 2 3 8 4 1

Current Date: 1 0 0 1 2 0 1 1

Reporting Period

From: 0 9 0 1 2 0 1 1

To: 0 9 3 0 2 0 1 1

No of tickets 1 0 0

By signing this document I hereby certify certify the following:

the attached trip tickets represent all transactions of fish and shellfish obtained from anyone other than a licensed dealer for the reporting period described above.

all records (receipts) submitted in this report constitute all transactions required to be reported by law.

all the attached information is accurate and accounts for all actual business transactions required to be submitted in this report.

I understand that providing false information may result in criminal consequences.

PRINT
Dealer/Processor or
Fisherman Name: John Doe

SIGNATURE
Licensed
Dealer/Processor or
Fisherman John Doe

MÃ SỐ

MÃ SỐ THÀNH PHỐ	
MÃ SỐ	**MÔ TẢ**
05	JACKSON
03	HARRISON
01	HANCOCK

MÃ SỐ KHU CHÍNH ĐÁNH BẮT (Xem Bản Đồ Kèm)		
KHU	**MÃ SỐ CHUYẾN ĐI**	
KHU A CỦA MISSISSIPPI	A	Xem Bản Đồ 1 trên trang 27
KHU B CỦA MISSISSIPPI	B	
KHU C CỦA MISSISSIPPI	C	
CÁC KHU THỐNG KÊ NMFS NGOÀI TIỂU BANG		Xem Bản Đồ 2 trên trang 28
MÃ SỐ TIỂU BANG LOUISIANA		Xem Bản Đồ 3 trên trang 29

THIẾT BỊ CHÍNH SỬ DỤNG	
MÃ SỐ	**MÔ TẢ**
010	HAUL SEINE
030	PURSE SEINE
082	CHOPSTICKS
091	OTTER TRAWL BOTTOM, CRAB - GIÃ CUA
092	OTTER TRAWL BOTTOM, FISH - GIÃ CÁ
095	OTTER TRAWL BOTTOM, SHRIMP - GIÃ TÔM
097	OTTER TRAWL MIDWATER
116	SKIMMER TRAWL
118	BUTTERFLY NET
131	LÒNG CUA – BLUE CRAB TRAPS
205	GILLNETS, RUNAROUND
207	GILLNETS, OTHER
210	TRAMMEL NETS
215	TRAMMEL NETS, RUNAROUND
301	ROD & REEL, MANUAL
303	ELECTRIC/HYDRAULIC, BANDIT REELS
320	TROLL LINES
324	GREEN STICK GEAR
405	LONGLINES, TROT
551	CHAÌ LƯỚI – CAST NETS
661	SPEARS, DIVING
662	GIGS

LOÀI ĐỘNG VẬT NƯỚC MẶN		
NHÓM	**MÃ SỐ**	**LOÀI**
TÔM	7310	TÔM NÂU – BROWN SHRIMP
	7340	TÔM TRẮNG - WHITE SHRIMP
	7320	TÔM HỒNG - PINK SHRIMP
	7325	TÔM ĐÁ – ROCK SHRIMP
	7338	SỨA BÀO - SEABOB
	7339	ROUGHNECK (Rareback)
CUA	7000	CUA XANH – BLUE CRAB
	7176	CUA ĐÁ – STONE CRAB
CÁ SỮU	0931	DRUM, UNCLASSIFIED
	0925	ĐÙ NGAO - CROAKER
	4060	SPOT
	1081	SỮU ĐEN - BLACK DRUM
	1082	SỮU ĐỎ - RED DRUM
	1970	ĐÙ - WHITING (Ground Mullet)
	3447	SÓC BÔNG - SPOTTED SEATROUT
	3455	CÁ SÓC - WHITE TROUT (Sand Trout, Silver Trout)
CÁ NGỘ	1209	NGỘ - FLOUNDER
CÁ HANH	3560	HANH - SHEEPSHEAD
CÁ CAM & CÁ CHIM	0030	AMBERJACK, UNC SERIOLA
	1810	ALMACO JACK
	1811	BAR JACK
	1812	GREATER AMBERJACK
	1815	LESSER AMBERJACK
	1817	BANDED RUDDERFISH (Amarino Amberine)
	1799	JACKS, UNC., CARANGIDAE
	1800	HORSE-EYE JACK
	1805	BLACKJACK
	0870	JACK CRAVELLE
	0270	BLUE RUNNER
	1814	RAINBOW RUNNER
	2720	CÁ CHIM VÀNG – FLORIDA POMPANO
	1807	AFRICAN POMPANO
CÁ GROUPER & CÁ MÚ HIND	1410	GROUPER UNCLASSIFIED
	1411	SPECKLED HIND (Spotted Grouper, Kitty Mitchell)
	1412	ROCK HIND (Calico Grouper)
	1413	RED HIND (Strawberry Grouper)
	1414	SNOWY GROUPER (Snowy, Brownie)
	1415	YELLOWEDGE GROUPER
	1416	RED GROUPER

CÁ GROUPER & CÁ MÚ HIND, tiếp tục…	1417	MARBLED GROUPER (Slopehead, John Paw)
	1420	MISTY GROUPER
	1422	BLACK GROUPER
	1423	GAG GROUPER (Black Grouper, Copper Belly)
	1424	SCAMP
	1425	YELLOWMOUTH GROUPER (Carborita)
	1426	YELLOWFIN GROUPER (Red Grouper, True Yellowfin, Fire Back)
	1427	CREOLE FISH (Gray Snapper, Rose Snapper)
	1428	GRAYSBY
	1430	NASSAU GROUPER
	4740	WARSAW GROUPER (Black Jewfish)
CÁ SNAPPER	3768	SNAPPER, UNCLASSIFIED
	3754	DOG SNAPPER
	3755	BLACK SNAPPER
	3756	WENCHMAN (Big-Eye Snapper)
	3757	BLACKFIN SNAPPER (Blackfin, Hambone Snapper)
	3758	SILK SNAPPER (Silky, Yellow Eye)
	3759	CUBERA SNAPPER
	3760	GRAY SNAPPER (Mangrove, Black Snapper, Mango)
	3761	LANE SNAPPER (Candy Snapper)
	3763	MUTTON SNAPPER
	3764	RED SNAPPER (Snapper, Chicken Snapper)
	3765	VERMILLON SNAPPER (Bastard Snapper, Beeliner, Mingo)
	3767	YELLOWTAIL SNAPPER (Yellowtail, Spotted Snapper)
	3770	QUEEN SNAPPER (Silk, Ball-Bat)
	3772	MAHOGANY SNAPPER
CÁ GRUNT & PORGY	1440	GRUNTS, UNCLASSIFIED
	3295	PORGY, UNCLASSIFIED
	3300	RED PORGY (Pink Snapper, Pinky)
	3306	WHITEBONE PORGY (White Snapper)
	3308	KNOBBED PORGY (Keywest Porgy)
	3312	JOLTHEAD PORGY
CÁ BIGEYES	0149	BIGEYE UNCLASSIFIED
	0140	BIGEYE
	0145	SHORT BIGEYE
	0147	BULLEYE

CÁ TILEFISH	4480	TILEFISH, UNCLASSIFIED
	4472	GOLDFACE TILEFISH
	4470	TILEFISH
	4474	BLUELINE TILEFISH
	4476	BLACKLINE TILEFISH
	4478	SAND TILEFISH
CÁ BÒ	4561	GRAY TRIGGERFISH
	4563	QUEEN TRIGGERFISH
	4562	OCEAN TRIGGERFISH
CÁ NGỪ	4651	ALBACORE TUNA
	4652	BLUEFIN TUNA
	4653	LITTLE TUNNY (Bonito, Little Tuna, False Albacore)
	4654	SKIPJACK TUNA (Ocean Bonito, Skipjack, Bonehead)
	4655	YELLOWFIN TUNA (Allison Tuna)
	4657	BIGEYE TUNA
	4658	BLACKFIN TUNA (Bermuda Tuna)
	0030	ATLANTIC BONITO (Ocean Bonito, Common Bonito)
CÁ COBIA, CÁ HEO, WAHOO & CÁ THU	0570	BÓT - COBIA (Ling, Lemon Fish)
	1050	HEO - DOLPHIN
	1940	THU - KING MACKEREL
	3840	SPANISH MACKEREL
	4710	WAHOO
CÁ MẬP, DOGFISH & CÁ ĐÓI RAY	3508	CÁ MẬP - SHARK, UNCLASSIFIED
	3481	FINETOOTH SHARK
	3482	SANDTIGER SHARK
	3485	BLACKNOSE SHARK
	3491	BIGNOSE SHARK
	3493	SILKY SHARK
	3494	NIGHT SHARK
	3495	BLACKTIP SHARK
	3496	SPINNER SHARK
	3497	BULL SHARK
	3501	PORBEAGLE SHARK
	3502	LONGFIN MAKO
	3503	DOGFISH UNCLASSIFIED
	3504	BLUE SHARK
	3505	SHORTFIN MAKO (Bonito Shark)
	3509	THRESHER SHARKS
	3512	WHITE SHARK
	3513	SANDBAR SHARK
	3514	DUSKY SHARK

CÁ MẬP DOGFISH & CÁ ĐÓI RAY , tiếp tục…	3515	TIGER SHARK
	3516	HAMMERHEAD SHARK
	3517	LEMON SHARK
	3521	SPINY DOGFISH
	2860	STINGRAYS, UNCLASSIFIED
CÁ DÓI	2341	CÁ DÓI - STRIPED MULLET (Black Mullet, Grey Mullet)
	2346	SILVER OR WHITE MULLET
CÁ CATFISH	0660	FRESHWATER CATFISH
	3380	SEA CATFISH
CÁ ƯƠNG	1140	CÁ ƯƠNG - EELS, UNCLASSIFIED
LOẠI KHÁC	0230	BLUEFISH
	0521	BUTTERFISH
	0180	BARRACUDA
	0090	ANGELFISH
	1144	BEARDED BROTULA
	1550	HAKE
	1687	THREAD HERRING
	1790	HOGFISH
	2210	CÁ MÒI - MENHADEN
	2310	MOONFISH
	2369	BULL MINNOW, CYPRINODONTIDAE
	2501	ESCOLAR
	2502	OILFISH
	2670	NÓC PINFISH
	2710	POMFRETS
	2760	CÁ NÓC - PUFFERS
	3261	SCORPIONFISHES
	3371	SPANISH FLAG
	3374	LONGTAIL BASS (Queen Snapper, Longtail)
	3375	BANK SEABASS
	3360	BLACK SEABASS
	4120	SQUIRRELFISH
	4320	SWORDFISH
	4410	MĂNG - LADYFISH (Tenpounder)
	4590	RÔ BIỂN - TRIPLETAIL (Blackfish)
	3810	HÒANG SA - SPADEFISH
	5260	FINFISH, KHÔNG CÓ LOẠI cho Ăn
	5261	FINFISH, KHÔNG CÓ LOẠI
	5290	FINFISH, KHÔNG CÓ LOẠI cho mồi, Động Vật Ăn

MÃ SỐ ĐƠN VỊ	
MÃ SỐ	**MÔ TẢ**
LB	CÂN (cua, tôm & cá)
NO	SỐ (cua, cá)

MÃ SỐ TÌNH TRẠNG (ĐIỀU KIỆN)	
MÃ SỐ	**MÔ TẢ**
00	KHÔNG BIẾT LOẠI
01	ROUND (finfish)
02	SỐNG (cua)
10	VÂY (cá-cá mập)
14	GIZZARDS (finfish-mullet)
17	TRỨNG CÁ (TRỨNG ĐỎ) – ROE (RED ROE) (finfish-mullet)
19	MILT (TRỨNG TRẮNG) (finfish-mullet)
23	MỘ BỤNG, CÓ ĐẦU (cá)
24	MỘ BỤNG, KHÔNG ĐẦU (cá)
25	MỘ BỤNG, KHÔNG ĐẦU, KHÔNG ĐUÔI
60	TÔM CÓ ĐẦU (tôm)
61	TÔM KHÔNG ĐẦU (tôm)
65	CÀNG CUA
67	CUA VỎ MỀM

MÃ SỐ THỊ TRƯỜNG HOẶC SỐ / KÍCH THƯỚC	
MÃ SỐ	**MÔ TẢ**
UN	KHÔNG BIẾT LOẠI
LG	LỚN (# 1 CUA)
MD	VỪA (# 2 CUA)
SM	NHỎ (# 3 CUA)
BT	KHÔNG CÓ LOẠI (cá hoặc tôm được bán làm mồi)

- TÔM - ĐIỀN VÀO KÍCH THƯỚC THỊ TRƯỜNG VỚI SỐ CHO CÂN (21-25, 26-30,
- KÍCH THƯỚC THỊ TRƯỜNG cá (nếu có) đặt cân phân phối (tức là 2-4, 4-6, 6-8, vv)
- Cho trứng cá phân phối ounce U-2, 2-4, 4-6, vv

BẢN ĐỒ 1 - KHU THU HOẠCH MISSISSIPPI

Bản đồ 2. Mã Số Nước
cho Gulf of Mexico

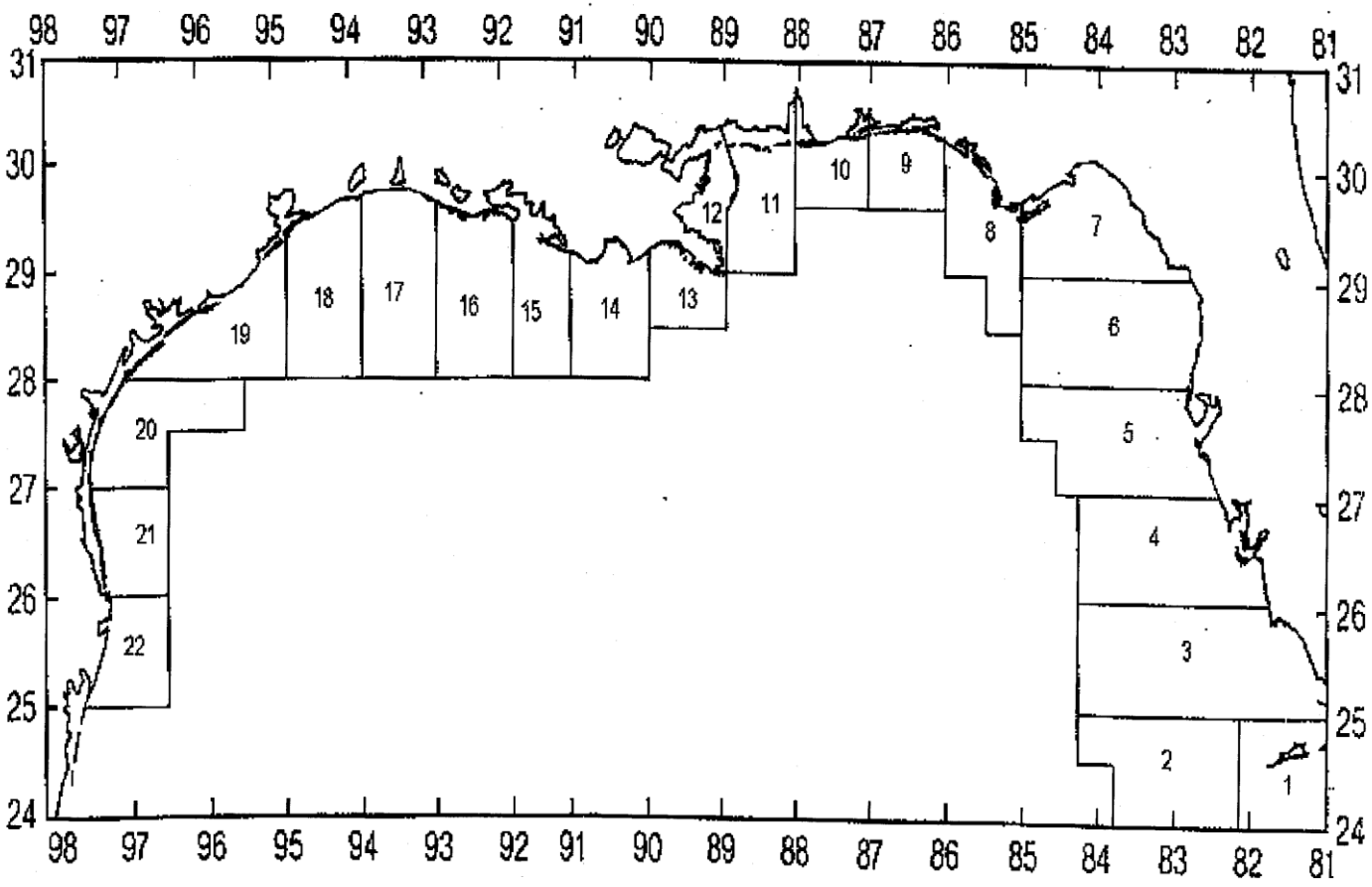
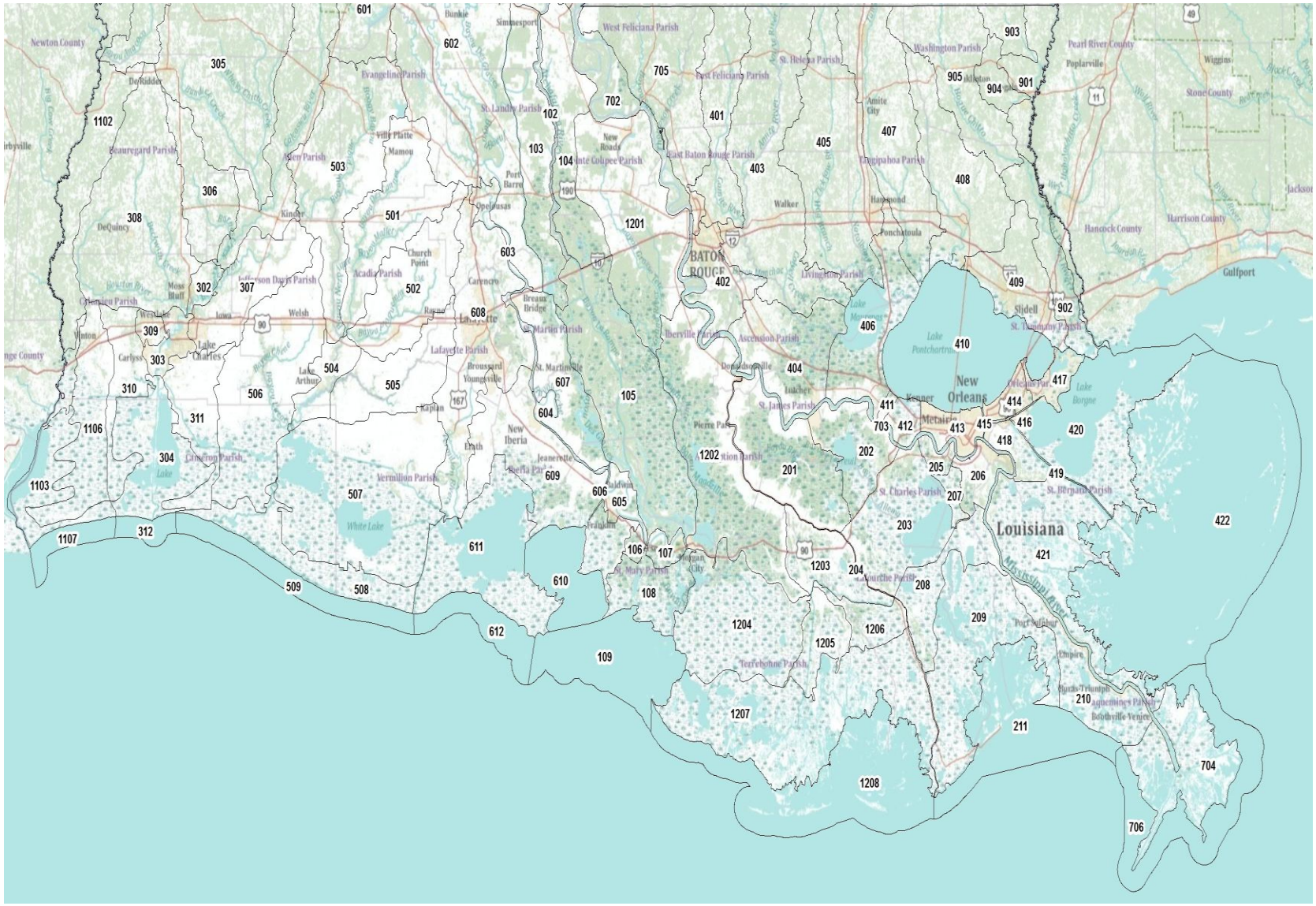
BẢN ĐỒ 3 - KHU THU HOẠCH LOUISIANA